TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 25/2021/QĐST-HNGĐ	*P, ngày 23 tháng 4 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự sơ T thụ lý số: 25/2021/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 3 năm 2021, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1992;

HKTT: Thôn H, xã Đ, huyện P, tỉnh H.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1989;

HKTT: Thôn H, xã Đ, huyện P, tỉnh H.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Cháu Trần Anh Q, sinh ngày 17/02/2019;

HKTT: Thôn H, xã Đ, huyện P, tỉnh H.

Đại diện theo pháp luật: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn T là bố mẹ đẻ của cháu.

Căn cứ vào các điều 212, 213, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về mức án phí, lệ phí;

Căn cứ vào các điều 51, 55, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15/4/2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15/4/2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn T thỏa thuận nhất trí thuận tình ly hôn.

* Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn T thỏa thuận thống nhất giao cháu Trần Anh Q, sinh ngày 17/02/2019 cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi. Chị T và anh T thỏa thuận anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T.

Sau khi ly hôn, anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

* Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về án phí: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn T thỏa thuận thống nhất chị T tự nguyện chịu toàn bộ 150.000 đồng án phí sơ T ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003858 ngày 25/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh H; chị T đã nộp đủ án phí. Hoàn trả chị Nguyễn Thị T 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc T.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- TAND tỉnh H;
- UBND xã Đ
(*GCNKH số 18/2018*);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Mạnh Q